



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 1 tháng 3 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Phạm Văn Tân
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Ngọc Bình
Ông Lê Quốc Ân

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huệ
Ông Nguyễn Thanh Sơn
Ông Nguyễn Ngọc Cách

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Nguyễn Văn Hải
Bà Hoàng Thùy Oanh
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Ngọc Bình
Ông Phạm Ngọc Trung
Bà Trần Thị Hòa Châu
Ông Phan Văn Phước
Ông Phan Quang Long
Ông Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành (từ 1 tháng 1 năm 2020)
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban điều hành

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-02-00163-20-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		894.705.391.659	1.070.586.598.592
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	16.093.433.378	22.653.298.944
Tiền	111		16.093.433.378	22.653.298.944
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.283.145.329	14.090.680.083
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	15.283.145.329	14.090.680.083
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		247.466.510.946	289.854.156.598
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	198.776.499.124	251.912.306.577
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		29.719.519.474	35.121.527.455
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		611.200.000	652.400.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	23.599.161.137	7.407.791.355
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.239.868.789)	(5.239.868.789)
Hàng tồn kho	140	9	581.752.111.087	717.974.779.467
Hàng tồn kho	141		582.229.097.240	717.974.779.467
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(476.986.153)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		34.110.190.919	26.013.683.500
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	8.128.995.064	5.977.429.205
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.981.195.855	20.036.254.295

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		636.701.895.689	624.141.066.762
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.384.390.930	1.596.552.619
Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.010.200.000	514.300.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.374.190.930	1.082.252.619
Tài sản cố định	220		492.643.538.690	561.673.770.846
Tài sản cố định hữu hình	221	10	491.362.742.109	559.358.424.700
Nguyên giá	222		1.321.349.755.527	1.251.335.716.588
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(829.987.013.418)	(691.977.291.888)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.280.796.581	2.315.346.146
Nguyên giá	228		9.485.881.773	9.406.186.773
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.205.085.192)	(7.090.840.627)
Tài sản dở dang dài hạn	240		34.574.549.250	700.431.824
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	34.574.549.250	700.431.824
Đầu tư tài chính dài hạn	250		85.152.013.769	44.410.493.086
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	92.748.900.000	44.778.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(25.780.588.231)	(19.457.108.914)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	-	905.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		19.947.403.050	15.759.818.387
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	19.947.403.050	15.759.818.387
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.531.407.287.348	1.694.727.665.354

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.081.121.891.600	1.279.791.263.480
Nợ ngắn hạn	310		830.326.304.679	991.303.981.736
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	222.237.728.716	225.599.479.955
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.873.194.773	10.813.414.545
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		7.575.453.664	8.270.850.431
Phải trả người lao động	314		285.792.259.695	240.627.244.930
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.885.294.131	3.303.815.006
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	14.492.651.302	13.463.120.606
Vay ngắn hạn	320	18(a)	220.286.814.127	435.402.578.503
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	70.182.908.271	53.823.477.760
Nợ dài hạn	330		250.795.586.921	288.487.281.744
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		11.889.559.587	15.294.587.874
Vay dài hạn	338	18(b)	238.906.027.334	273.192.693.870
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		450.285.395.748	414.936.401.874
Vốn chủ sở hữu	410	20	450.285.395.748	414.936.401.874
Vốn cổ phần	411	21	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	110.084.210.730	94.980.528.117
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115.201.185.018	94.955.873.757
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	809.662.261
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		115.201.185.018	94.146.211.496
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.531.407.287.348	1.694.727.665.354

Ngày 16 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trị

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	4.043.727.518.418	3.994.644.040.773
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		919.769.881	1.190.047.933
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.042.807.748.537	3.993.453.992.840
Giá vốn hàng bán	11		3.732.282.608.293	3.686.016.694.583
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		310.525.140.244	307.437.298.257
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	26.892.344.573	22.921.010.587
Chi phí tài chính	22	27	36.918.039.426	47.276.289.325
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.815.698.008	25.458.287.085
Chi phí bán hàng	25	28	72.747.925.144	73.238.491.086
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	106.994.590.897	111.402.776.735
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		120.756.929.350	98.440.751.698
Thu nhập khác	31	30	1.763.703.791	4.526.762.704
Chi phí khác	32	31	1.842.318.031	2.655.144.551
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(78.614.240)	1.871.618.153
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		120.678.315.110	100.312.369.851
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	5.477.130.092	6.166.158.355
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		115.201.185.018	94.146.211.496

Ngày 16 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trị

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		120.678.315.110	100.312.369.851
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		144.567.123.738	123.875.743.279
Các khoản dự phòng	03		6.800.465.470	4.555.385.267
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(491.235.300)	6.783.107.905
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.524.542.829)	(7.232.339.953)
Chi phí lãi vay	06		24.815.698.008	25.458.287.085
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		291.845.824.197	253.752.553.434
Biến động các khoản phải thu	09		36.316.186.875	43.750.636.449
Biến động hàng tồn kho	10		135.745.682.227	(92.513.739.095)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		32.772.902.263	162.337.861.304
Biến động chi phí trả trước	12		(4.745.235.716)	2.410.452.333
			491.935.359.846	369.737.764.425
Tiền lãi vay đã trả	14		(25.025.196.540)	(25.985.782.155)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.108.323.686)	(6.361.180.218)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		310.144.999	115.827.451
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.552.905.632)	(18.566.489.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		453.559.078.987	318.940.140.181
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(108.726.712.401)	(158.577.152.066)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		285.545.454	5.861.053.938
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.567.465.246)	(264.484.483)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		825.300.000	5.171.471.529
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(47.970.000.000)	-
Tiền thu lãi, tiền gửi và cổ tức	27		2.465.156.117	2.733.830.210
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(154.688.176.076)	(145.075.280.872)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

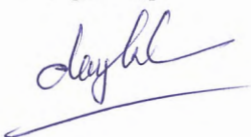
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.853.912.357.391	2.980.486.017.207
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.103.375.011.916)	(3.096.621.548.609)
Tiền trả cổ tức	36		(56.161.728.500)	(44.949.836.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(305.624.383.025)	(161.085.367.402)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(6.753.480.114)	12.779.491.907
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		22.653.298.944	9.877.011.101
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		193.614.548	(3.204.064)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	16.093.433.378	22.653.298.944

Ngày 16 tháng 3 năm 2020

Người lập:

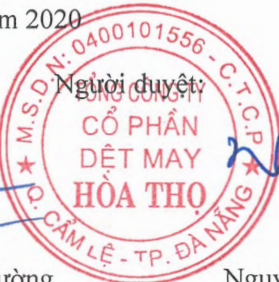


Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2019: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 9.243 nhân viên (1/1/2019: 8.610 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số máy móc, thiết bị từ 7 năm xuống còn 5 năm để phản ánh hợp lý hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản này. Nếu Tổng Công ty tiếp tục khấu hao các máy móc thiết bị này trong thời gian 7 năm, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và chi phí khấu hao cho kỳ mười hai tháng kết thúc cùng ngày sẽ cùng giảm 26.175 triệu VND.

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Doanh thu dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	48.483.000	162.577.000
Tiền gửi ngân hàng	16.044.950.378	22.490.721.944
	16.093.433.378	22.653.298.944

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	15.283.145.329	15.283.145.329	14.090.680.083	14.090.680.083
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	905.000.000	(*)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất năm từ 6,2% đến 7,7% (2018: từ 6,4% đến 7,3%).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất năm 2018 từ 6% đến 6,2% một năm.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2019					1/1/2019						
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Đầu tư góp vốn vào:													
Công ty con													
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	(1.989.201.844)		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(2.303.967.220)	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(4.261.810.124)		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	(13.183.461.654)	2.652.000	51,00%	51,00%	26.520.000.000	(2.636.802.891)		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	(103.601.930)	-	100%	100%	2.000.000.000	(170.191.947)		
					92.748.900.000	(15.591.030.804)						44.778.900.000	(9.058.006.806)
Công ty liên kết													
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(3.790.455.319)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)		
					10.428.000.000	(3.790.455.319)						10.428.000.000	(4.000.000.000)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Địa chỉ	31/12/2019					1/1/2019				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(99.102.108)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(99.102.108)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					7.755.702.000	(6.399.102.108)				7.755.702.000	(6.399.102.108)
					110.932.602.000	(25.780.588.231)				62.962.602.000	(19.457.108.914)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Motives (Far East) Limited	56.398.152.308	49.937.802.854
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	20.603.670.118	34.599.626.692
Haggar Clothing Co., Ltd	17.192.915.288	12.228.389.708
Kuraray Trading Co., Ltd	14.279.004.420	2.548.150.530
Supreme International LLC	12.314.022.810	24.812.541.214
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	11.483.575.394	47.922.242.148
Các khách hàng khác	66.505.158.786	79.863.553.431
	198.776.499.124	251.912.306.577

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 161.000 triệu VND (1/1/2019: 404.524 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	182.883.842	146.031.576
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	11.483.575.394	47.922.242.148
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	133.128.055	334.458.025
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	-	3.635.000
	11.799.587.291	48.406.366.749

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	20.148.452.031	1.267.617.638
Tạm ứng	838.622.071	681.623.555
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	20.200.520	3.007.885.231
Phải thu khác	2.591.886.515	2.450.664.931
	23.599.161.137	7.407.791.355

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2019			Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2019			Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Nợ quá hạn Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Từ 1 - 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-		Từ 1 - 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	
	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-		Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	
		<u>5.239.868.789</u>	<u>(5.239.868.789)</u>	-			<u>5.239.868.789</u>	<u>(5.239.868.789)</u>	-	
<i>Trong đó:</i>										
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(5.239.868.789)</u>						<u>(5.239.868.789)</u>	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	61.917.550.070	-	90.807.780.817	-
Nguyên vật liệu	131.806.812.804	-	191.262.668.960	-
Công cụ và dụng cụ	272.269.923	-	143.048.027	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	253.102.387.481	-	225.659.469.513	-
Thành phẩm	115.126.808.300	(476.986.153)	90.791.545.643	-
Hàng hóa	3.776.301.534	-	291.805.081	-
Hàng gửi đi bán	16.226.967.128	-	119.018.461.426	-
	582.229.097.240	(476.986.153)	717.974.779.467	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 2.101 triệu VND (1/1/2019: không) hàng thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 265.000 triệu VND (1/1/2019: 193.476 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	276.397.966.806	840.269.107.883	51.042.421.705	6.694.051.100	76.932.169.094	1.251.335.716.588
Tăng trong năm	2.013.433.795	16.824.592.770	497.877.017	168.358.273	7.360.279.682	26.864.541.537
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.697.154.753	39.013.870.446	-	-	5.500.703.394	50.211.728.593
Phân loại lại	-	12.159.954.866	(12.159.954.866)	-	-	-
Thanh lý	(1.094.011.741)	(2.627.542.235)	(1.513.219.891)	(73.859.091)	(30.447.091)	(5.339.080.049)
Giảm khác	(1.723.151.142)	-	-	-	-	(1.723.151.142)
Số dư cuối năm	281.291.392.471	905.639.983.730	37.867.123.965	6.788.550.282	89.762.705.079	1.321.349.755.527
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	104.611.396.191	504.380.352.596	26.954.746.061	4.615.851.891	51.414.945.149	691.977.291.888
Khấu hao trong năm	15.716.852.251	114.447.805.281	3.359.775.007	857.235.497	9.071.211.137	143.452.879.173
Phân loại lại tài sản	-	911.996.612	(911.996.612)	-	-	-
Thanh lý	(1.068.852.999)	(2.627.542.235)	(1.513.219.891)	(73.859.091)	(30.447.091)	(5.313.921.307)
Giảm khác	(129.236.336)	-	-	-	-	(129.236.336)
Số dư cuối năm	119.130.159.107	617.112.612.254	27.889.304.565	5.399.228.297	60.455.709.195	829.987.013.418
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	171.786.570.615	335.888.755.287	24.087.675.644	2.078.199.209	25.517.223.945	559.358.424.700
Số dư cuối năm	162.161.233.364	288.527.371.476	9.977.819.400	1.389.321.985	29.306.995.884	491.362.742.109

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 457.925 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 209.479 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 300.147 triệu VND (1/1/2019: 344.715 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a)) và dài hạn (Thuyết minh 18(b)) của Tổng Công ty.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	9.406.186.773
Tăng trong năm	79.695.000
Số dư cuối năm	9.485.881.773
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.090.840.627
Khấu hao trong năm	1.114.244.565
Số dư cuối năm	8.205.085.192
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.315.346.146
Số dư cuối năm	1.280.796.581

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.895 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 3.840 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	700.431.824	23.345.796.656
Tăng trong năm	84.085.846.019	135.991.575.831
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.211.728.593)	(158.636.940.663)
Số dư cuối năm	34.574.549.250	700.431.824

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổ hợp trung tâm may đo thời trang - showroom - văn phòng cho thuê	26.342.272.713	158.312.727
Lô bộ cộc NOVIBRA HP-S68 của 6 máy sợi con Compact	4.442.285.100	-
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Tổng Công ty	2.841.983.614	-
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy may Điện Bàn	600.025.460	479.608.685
Khác	347.982.363	62.510.412
	34.574.549.250	700.431.824

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.273.613.628	707.261.644
Công cụ và dụng cụ	1.933.789.593	2.283.109.926
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	588.888.888	526.206.093
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.332.702.955	2.460.851.542
	8.128.995.064	5.977.429.205

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	10.863.921.812	4.895.896.575	15.759.818.387
Tăng trong năm	10.772.471.998	5.702.240.658	16.474.712.656
Thanh lý	(7.772.044)	-	(7.772.044)
Phân bổ trong năm	(9.222.510.303)	(3.056.845.646)	(12.279.355.949)
Số dư cuối năm	12.406.111.463	7.541.291.587	19.947.403.050

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	34.194.954.604	17.843.537.499
Hultafors Group AB	26.352.941.612	10.195.414.891
Toyo Cotton (Japan) Co., Ltd	13.285.984.217	-
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	10.607.188.352	-
Carreman International	10.270.057.281	663.723.147
Công ty Cổ phần may Hoà Thọ - Quảng Nam	8.603.204.098	7.581.742.746
Motives (Far East) Limited	5.297.293.775	7.203.665.452
Fujian Jung Wei New Fiber Science and Technology Co., Ltd.	4.427.898.042	7.144.380.502
Kufner Hongkong Limited	4.111.834.977	16.126.370.100
Reliance Industries Limited, textile division	4.929.653.259	-
Công Ty TNHH TM - SX Bao Bì Hải Vương	4.565.485.391	2.911.012.905
Louis Dreyfus Commodities	-	10.317.681.150
Paul Reinhart AG	-	9.339.032.629
RCMA Asia Pte Ltd.	-	9.318.983.621
Các nhà cung cấp khác	95.591.233.108	126.953.935.313
	222.237.728.716	225.599.479.955

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	34.194.954.604	17.843.537.499
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Hòa Thọ	530.019.630	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	8.603.204.098	7.581.742.746
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	3.334.000.925	1.997.574.535
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	103.455.000	-
	46.765.634.257	27.422.854.780

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.910.068.018	83.184.427.814	(83.272.824.651)	5.821.671.181
Thuế nhập khẩu	-	801.856.041	(785.693.642)	16.162.399
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.235.538.145	5.477.130.092	(6.108.323.686)	1.604.344.551
Thuế thu nhập cá nhân	125.244.268	3.360.426.904	(3.352.395.639)	133.275.533
Tiền thuê đất	-	3.827.805.904	(3.827.805.904)	-
Các loại thuế khác	-	578.586.690	(578.586.690)	-
	8.270.850.431	97.230.233.445	(97.925.630.212)	7.575.453.664

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí hoạt động	2.110.528.724	1.562.991.104
Chi phí lãi vay	156.256.046	365.754.578
Các khoản trích trước khác	1.618.509.361	1.375.069.324
	3.885.294.131	3.303.815.006

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Kinh phí công đoàn	11.403.989.363	9.344.904.621
Bảo hiểm xã hội	-	611.475.067
Bảo hiểm y tế	-	109.476.856
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	169.689.715	179.007.118
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	46.573.547	80.577.042
Cổ tức phải trả	794.136.047	705.864.547
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	755.485.878	768.985.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.322.776.752	1.662.829.477
	14.492.651.302	13.463.120.606

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	402.464.342.932	2.853.912.357.391	(3.070.457.674.011)	316.135.621	186.235.161.933
Vay dài hạn đến hạn trả	32.938.235.571	34.137.690.384	(32.917.337.905)	(106.935.856)	34.051.652.194
	435.402.578.503	2.888.050.047.775	(3.103.375.011.916)	209.199.765	220.286.814.127

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	2,9% - 3%	70.810.873.842	200.255.975.245
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,0%	71.869.050.029	79.758.862.641
Vay ngân hàng 3 (ii)	USD	3,0%	14.267.114.284	65.398.475.187
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	3,0%	8.747.291.103	56.851.029.859
Vay ngân hàng 5 (ii)	USD	3,00%	20.360.832.675	-
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	10%	180.000.000	200.000.000
			186.235.161.933	402.464.342.932

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 6), hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).

(ii) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn	272.957.679.528	306.130.929.441
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(34.051.652.194)	(32.938.235.571)
 Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	 238.906.027.334	 273.192.693.870

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	5,0%	2021	21.821.057.092	36.399.741.052
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,25% - 3,75%	2020	2.548.445.228	7.652.515.295
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5,0%	2021	1.894.006.713	3.160.429.537
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2021	2.285.470.415	3.659.905.705
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,2% - 5,7%	2022	17.630.753.393	23.635.337.003
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	9.291.600.000	13.949.400.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	217.486.346.687	217.673.600.849
				272.957.679.528	306.130.929.441

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	53.823.477.760	45.694.840.729
Trích lập trong năm	23.602.191.144	26.894.881.621
Tăng khác	310.144.999	115.827.451
Sử dụng trong năm	(7.552.905.632)	(18.882.072.041)
Số dư cuối năm	70.182.908.271	53.823.477.760

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	225.000.000.000	81.691.135.310	85.993.936.689	392.685.071.999
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	94.146.211.496	94.146.211.496
Phân bổ vào các quỹ	-	13.289.392.807	(13.289.392.807)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(26.894.881.621)	(26.894.881.621)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	225.000.000.000	94.980.528.117	94.955.873.757	414.936.401.874
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	115.201.185.018	115.201.185.018
Phân bổ vào các quỹ	-	15.103.682.613	(15.103.682.613)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(23.602.191.144)	(23.602.191.144)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	225.000.000.000	110.084.210.730	115.201.185.018	450.285.395.748

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	31/12/2019 và 1/1/2019		
	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	22.500.000	225.000.000.000	100%

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 56.250 triệu VND cho năm 2018, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (2018: 45.000 triệu VND cho năm 2017, tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	22.699.190.756	5.165.528.855
Trong vòng hai đến năm năm	92.392.595.877	38.690.182.762
Sau năm năm	143.821.017.920	66.543.021.899
	258.912.804.553	110.398.733.516

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	44.572	1.029.972.167	680.672	15.753.922.701
EUR	233	6.002.634	244	6.455.657
		1.035.974.801		15.760.378.358

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	69.860.000.000	50.205.000.000

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	2.465.156.117	2.733.830.210
Cổ tức được chia	1.799.000.000	1.495.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.069.218.207	18.624.290.344
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	491.235.300	-
Chiết khấu thanh toán	67.734.949	67.290.033
	26.892.344.573	22.921.010.587

27. Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	24.815.698.008	25.458.287.085
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.778.862.101	14.948.205.589
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.783.107.905
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	6.323.479.317	86.688.746
	36.918.039.426	47.276.289.325

28. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	4.315.390.067	6.007.038.103
Chi phí vật liệu, bao bì	582.488.009	885.074.373
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	264.826.007	1.292.857.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.598.795.347	49.197.669.601
Chi phí khác	12.986.425.714	15.855.851.415
	72.747.925.144	73.238.491.086

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	56.206.378.784	54.436.631.238
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.741.636.917	1.509.448.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.640.113.025	8.869.180.008
Thuế, phí và lệ phí	3.148.441.719	3.311.718.674
Dự phòng phải thu khó đòi	-	4.665.744.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.693.015.696	17.464.038.508
Chi phí khác	19.565.004.756	21.146.015.547
	106.994.590.897	111.402.776.735

30. Thu nhập khác

	2019 VND	2018 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	260.386.712	3.002.909.743
Các khoản thu nhập khác	1.503.317.079	1.523.852.961
	1.763.703.791	4.526.762.704

31. Chi phí khác

	2019 VND	2018 VND
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	932.635.116	1.173.803.251
Các khoản chi phí khác	909.682.915	1.481.341.300
	1.842.318.031	2.655.144.551

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.162.522.779.554	2.274.222.480.090
Chi phí nhân viên	1.017.023.796.653	978.787.148.325
Chi phí khấu hao và phân bổ	144.567.123.738	123.875.743.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	520.296.033.466	553.565.982.991

33. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	5.477.130.092	6.158.895.452
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	7.262.903
	5.477.130.092	6.166.158.355

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	120.678.315.110	100.312.369.851
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.067.831.511	10.031.236.985
Ưu đãi thuế	(5.215.302.607)	(5.375.177.238)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	421.989.242	508.318.108
Chi phí không được khấu trừ thuế	231.385.545	803.922.077
Thu nhập không bị tính thuế	(179.900.000)	(149.560.000)
Giảm thuế (*)	(582.151.000)	(232.918.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(1.266.722.599)	573.073.520
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	7.262.903
	5.477.130.092	6.166.158.355

(*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2019 VND	2018 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	36.539.052.500	29.231.242.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.170.982.016	2.617.684.785
Mua hàng hóa và dịch vụ	39.084.103.694	36.463.620.291
Chi phí lãi vay	8.907.977.164	7.832.063.710
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.297.901.058	3.764.168.338
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.397.275.983	3.191.436.389
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An		
Bán hàng hóa và dịch vụ	391.974.761	103.425.804
Mua hàng hóa và dịch vụ	50.092.779.510	50.362.524.847
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và dịch vụ	911.943.303	860.725.231
Mua hàng hóa và dịch vụ	59.032.629.255	66.982.499.659
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình		
Bán hàng hóa và dịch vụ	108.270.906.154	63.034.353.669
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.290.952.603	6.780.138.971
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	54.722.909	89.003.273
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.334.548.114	7.082.084.455
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	91.907.845	45.839.405
Mua hàng hóa và dịch vụ	83.166.271.692	89.522.866.675
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.607.000.000	1.285.600.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	752.330.599	684.696.718
Mua hàng hóa và dịch vụ	70.817.115.352	67.717.024.444

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	2019	2018
	VND	VND
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
<i>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.186.842.913	9.704.004
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	14.170.000
<i>Công ty TNHH Coats Phong Phú</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.544.903.819	23.527.670.641
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	108.316.280	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.342.000.756	40.244.000
<i>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	690.415.488	-
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.616.577.496	1.099.141.465
Thành viên khác trong Ban điều hành		
Tiền lương và thưởng	7.950.903.630	5.695.346.499
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	1.733.411.823	1.405.472.353

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.799.000.000	1.495.600.000

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Người lập: Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt: Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Tri
Tổng Giám đốc

